



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07CD (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi PV335

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	BÌNH	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07153001	TRẦN BÌNH		14/10/89			6	sáu
2	07153002	ĐẶNG MINH CHỨC		01/01/89			5	năm
3	07153003	NGUYỄN QUỐC THÀNH	CÔNG	10/02/89				
4	07153004	NGUYỄN CẢNH CỬ		27/09/88			6	sáu
5	07153050	HỒ CHÍ CƯỜNG		05/06/87			4	bốn
6	07153005	TRƯƠNG VĂN CƯỜNG		10/11/88			6	sáu
7	07153006	NGUYỄN HỮU DOANH		19/03/89			5	năm
8	07153008	CAO VĂN TUẤN	DŨNG	10/12/89			5	năm
9	07153007	LÊ ANH DŨNG		21/05/89				
10	07153052	TRẦN QUANG DŨNG		13/09/87			5	năm
11	07153009	NGUYỄN HẢI DƯƠNG		16/05/89			4	bốn
12	07153010	NGUYỄN TIẾN ĐẠI		16/10/89			6	sáu
13	07153053	NGUYỄN VĂN ĐẠT		01/03/89			5	năm
14	07153011	HÀ TẤN ĐẮC		13/10/89			6	sáu
15	07153012	ĐỖ NGUYỄN ĐÌNH		11/03/88			6	sáu
16	07153013	PHẠM TRƯỜNG GIANG		10/06/89			4	bốn
17	07153054	TRẦN HẢI HÀ		08/07/89			6	sáu
18	07153014	HOÀNG THẠCH HAI		03/06/89			5	năm
19	07153055	BÙI CHÍ HẢI		23/10/87			6	sáu
20	07153016	NGUYỄN TRUNG HIẾU		17/02/89			4	bốn
21	07153056	PHẠM DỨC HIẾU		01/08/89			5	năm
22	07153057	CẢNH CHỈ HOÀNG		05/08/89			5	năm
23	07153017	PHAN THIÊN HOÀNG		15/03/89			4	bốn
24	07153058	TRẦN VŨ HOÀNG		09/01/88			5	năm
25	07153018	LÊ TRƯƠNG NAM HÙNG		15/06/89			2	hai
26	07153019	NGUYỄN VĂN HÙNG		19/02/87			5	năm
27	07153020	NGUYỄN BẢO HUY		30/10/89			5	năm
28	07153021	TRẦN QUANG KHẢI		05/03/88			5	năm
29	07153022	NGUYỄN QUỐC KỶ		11/12/89			3	ba
30	07153061	PHẠM HOÀNG LÂM		04/05/89			6	sáu
31	07153062	PHẠM QUANG LĨNH		26/03/88			4	bốn
32	07153023	PHẠM VĂN LONG		04/05/87			4	bốn

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 30 Số bài: 40 Số tờ: 30

Ngày 29 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Th

Cán bộ coi thi 2 HT

Đinh Châu

Hà Thị Thái Trâm

Xác nhận của bộ môn TAISC

Cán bộ chấm thi 1 HT

Cán bộ chấm thi 2

Hồ Ngọc Trâm

ThS. Tạ Mỹ Nga

ThS. Tạ Mỹ Nga



Đại Học Nông Lâm TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07CH (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi PV400

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07131234	NGUYỄN THỊ XUÂN	AN	26/05/89		7	bảy
2	07131003	NGUYỄN XUÂN MINH	ANH	27/06/88		6	sáu
3	07131008	HỒ SỸ	BĂNG	20/05/89		6	sáu
4	07131010	VŨ DƯƠNG	BÌNH	14/12/89		6	sáu
5	07131011	VƯƠNG GIÁNG	BÌNH	30/05/89		8	tám
6	07131012	TỬ MINH	CÁNH	17/06/89		6	sáu
7	07131013	LIÊNG KÝ	CHÁNH	21/05/89		5	năm
8	07131242	LÊ THỊ THU	CÚC	27/02/89			
9	07131016	LÊ CAO	CƯỜNG	02/07/89		6	sáu
10	07146073	LÊ QUỐC	CƯỜNG	12/01/89		7	bảy
11	07131020	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DIỆM	31/11/89		6	sáu
12	07131022	BÙI THỊ NGỌC	DIỆU	16/06/88		6	sáu
13	07131027	NGUYỄN HỮU	DUY	15/02/88		6	sáu
14	07131245	TRẦN VĂN	DUY	18/02/86		5	năm
15	07131029	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYẾN	06/09/88		6	sáu
16	07131031	PHẠM TRANG	ĐÀI	23/08/89		7	bảy
17	07131034	TRỊNH VĂN	ĐÌNH	11/10/86		3	ba
18	07131246	TRẦN QUỐC	ĐÌNH	15/02/89			
19	07131251	HỒ TRỌNG	ĐỨC	15/01/90		✓	
20	07131248	TRẦN KỶ	ĐỨC	10/08/88		✓	
21	07131035	NGUYỄN VĂN	ĐƯỜNG	01/01/88		5	năm
22	07131044	PHAN TẤN	HÁI	20/05/88		8	tám
23	07131042	TRẦN DUY	HÁI	09/03/89		6	sáu
24	07131045	NGUYỄN THỊ BÍCH	HANH	20/12/88		5	năm
25	07131047	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	HĂNG	30/11/89		7	bảy
26	07131318	PHẠM THỊ THU	HĂNG	22/12/89		✓	
27	07131050	TRẦN THỊ THÚY	HĂNG	27/06/89		7	bảy
28	07131057	HUỖNH NGỌC	HIỆP	11/09/88		2	hai
29	07131258	ĐÀO THỊ KIM	HÔNG	14/02/89		7	bảy
30	07131259	VÕ THỊ KIM	HUỆ	24/09/89		6	sáu
31	07131067	DƯƠNG MANH	HÙNG	19/07/89		7	bảy
32	07131068	NGUYỄN VĂN	HÙNG	11/12/89		✓	
33	07131261	PHAN	HUY	20/08/89			CT
34	07131262	HUỖNH THỊ THANH	HUYỀN	24/05/88		8	tám
35	07131076	NGUYỄN NGỌC	HƯNG	04/05/89		6	sáu
36	07131077	PHẠM THIÊN	HƯƠNG	07/10/89		8	tám

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi Lớp DH07CH (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Đ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07131080	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN KHANG	01/01/89		<i>Chang</i>	6	sáu
38	07131081	NGUYỄN HỒNG KHANH	27/06/89		<i>Hồng</i>	6	sáu
39	07131084	CAO VĂN KHÁNH	10/02/89			✓	
40	07131085	TRƯƠNG CÔNG KHIẾM	10/11/89		<i>Khiem</i>	5	năm
41	07131266	LÝ THỊ DIỆU LAN	14/06/89		<i>Li Lan</i>	7	bảy
42	07131089	LÊ THỊ PHONG LINH	11/08/87		<i>Phong</i>	6	sáu
43	07131087	NGÔ THỊ NGỌC LINH	09/01/88		<i>Ngoc</i>	6	sáu
44	07131268	NGUYỄN MINH THỤC LINH	22/10/89		<i>Thuc</i>	6	sáu
45	07131090	HUYỀN THỊ PHƯƠNG LOAN	17/12/89		<i>Huyen</i>	7	bảy
46	07131269	LÊ THỊ HỒNG LOAN	30/04/89		<i>Hong</i>	5	năm
47	07131270	NGUYỄN TRỌNG LONG	11/11/88			✓	
48	07131091	DƯƠNG VĂN LỢI	20/05/89		<i>Loi</i>	6	sáu
49	07131272	NGUYỄN ĐỨC LỢI	12/09/89		<i>Loi</i>	5	năm
50	07131092	DƯƠNG MINH LUẬT	01/01/89			✓	
51	07131094	NGUYỄN HOÀNG DUY LƯU	25/06/89		<i>Duy</i>	6	sáu
52	07131095	LÊ THỊ KHÁNH LY	10/02/88		<i>Ly</i>	7	bảy
53	07131096	HỨA HOÀNG MINH	19/05/89		<i>Hua</i>	6	sáu
54	07131098	LÊ NHẬT MINH	01/01/89		<i>Nhat</i>	7	bảy
55	07131099	PHẠM THẾ MỸ	24/05/88			✓	
56	07131101	ĐẶNG HOÀI NAM	02/08/89		<i>Nam</i>	5	năm
57	07131102	TRẦN NHƯ HOÀI NAM	28/12/89			✓	
58	07131277	ĐẶNG THỊ VĨ NGÂN	22/03/89		<i>Ngan</i>	5	năm
59	07131105	LÊ HOÀNG KHÁNH NGÂN	23/10/89		<i>Ngan</i>	7	bảy
60	07131113	NGUYỄN HOÀNG THANH NGUYỄN	07/11/89		<i>Thanh</i>	8	tám
61	07131112	PHẠM ĐỨC ANH NGUYỄN	22/11/89		<i>Anh</i>	6	sáu
62	07131116	TRƯƠNG ĐÀO ÁNH NGUYỆT	06/07/88		<i>Anh</i>	7	bảy
63	07131119	NGUYỄN KIM NHÃ	10/08/89		<i>Kim</i>	7	bảy
64	07131118	TRẦN ĐỨC NHÃ	19/01/88		<i>Tran</i>	6	sáu

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 54 Số bài: 54 Số tờ: 54

Ngày 29 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *Cal*

Cán bộ coi thi 2 *Minh*

Huyền Thị Cẩm Loan

Huyền

Xác nhận của bộ môn TAKC

Cán bộ chấm thi 1 *huan*

Cán bộ chấm thi 2

Hồ Ngọc Trâm

ThS. Tạ Mỹ Nga



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07CH (Nhóm Thi 1) - Tổ 003 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi RD103

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07131172	HUYNH NGOC	THỊNH	05/01/89		6	sáu
2	07131174	TRẦN THẾ	THÔNG	03/11/89			✓
3	07131176	NGUYỄN THANH	THU	/ /89		6	sáu
4	07131298	TRINH THỊ	THÚY	17/02/89			✓
5	07131299	TRƯƠNG ANH	THƯ	30/12/86			✓
6	07131180	TRƯƠNG PHAM DUY	TIỀN	12/04/89		6	sáu
7	07131182	ĐINH VŨ	TIẾN	04/11/89		7	bảy
8	07131232	K	TIẾP	07/05/87		7	bảy
9	07131300	LÊ TRUNG	TÍN	09/06/87			✓
10	07131302	TRẦN CHÍ	TOÀN	21/06/89		6	sáu
11	07131186	TRƯƠNG ĐỨC	TOÀN	10/12/87		6	sáu
12	07131187	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	TRÀ	25/08/88			CT
13	07131196	ĐẶNG THỊ THẢO	TRÂM	27/11/88		8	tám
14	07131306	TRẦN THỊ HUYỀN	TRẦN	21/04/89		5	năm
15	07131307	PHẠM MINH	TRIẾT	01/02/89		4	bốn
16	07131308	PHÙNG QUANG	TRIẾT	27/04/89		5	năm
17	07131309	HỒ THỊ MỸ	TRINH	06/08/89		6	sáu
18	07131203	ĐẶNG THỊ THANH	TRÚC	09/01/89			✓
19	07131204	NGUYỄN THANH	TRÚC	21/08/88		5	năm
20	07131310	ĐINH VĂN	TRUNG	17/09/89		6	sáu
21	07131205	NGUYỄN HỮU	TRUNG	26/07/89			CT
22	07131206	ĐẶNG VĨ	TÚ	05/03/88			✓
23	07131208	LÊ ĐỨC	TUẤN	29/04/89		6	sáu
24	07131312	NGUYỄN MẠNH	TUẤN	16/11/88		5	năm
25	07131213	TRẦN THỊ THANH	TUYẾN	29/09/88		5	năm
26	07131215	PHẠM THỊ NGỌC	TUYẾT	31/03/89		5	năm
27	07131314	TRƯƠNG THỊ THANH	TUYẾT	13/08/89		7	bảy
28	07131315	AN NGUYỄN NHÂN	VĂN	08/05/89		6	sáu
29	07131218	TRẦN QUỐC	VĂN	12/03/89			CT
30	07131221	LÊ HOÀNG	VINH	02/11/88		5	năm
31	07131316	MAI THỊ NGUYỆT	VINH	07/12/89		5	năm
32	07131228	NGUYỄN THỊ	XUÂN	07/03/87		4	bốn

Trang 1

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 26 Số bài: 26 Sở từ: 26

Ngày 23 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1: Ths. Trần Hữu Thái

Cán bộ coi thi 2: Bnh
Nguyễn Thị Bình

Xác nhận của bộ môn: TAKC

Cán bộ chấm thi 1: hphan

Cán bộ chấm thi 2: _____

Uele

Hồ Ngọc Trâm

ThS. Trần Mỹ Nga



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07CH (Nhóm Thi 1) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi RD102

Trang 1

CTT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tổ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07131278	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHAN	19/06/89		7	bảy
2	07131120	ĐẶNG THỊ KIỀU	NHI	20/10/89		6	sáu
3	07131121	ĐINH THỊ NGỌC	NHI	12/01/89		7	bảy
4	07131122	NGUYỄN THỊ Ý	NHI	24/01/89			
5	07131124	HUỲNH VĂN	NHON	14/04/85		5	năm
6	07131126	ĐOÀN THỊ HỒNG	NHUNG	06/11/89		5	năm
7	07131131	PHAN THANH	NHỰT	26/01/89			
8	07131133	QUÁCH HẠ	OANH	11/12/89			
9	07131136	TRƯƠNG CÔNG	PHÁP	29/03/89		4	bốn
10	07131137	NGUYỄN THỊ MAI	PHI	29/04/89		7	bảy
11	07131282	NGUYỄN HỒNG	PHƯƠNG	21/07/89			CT
12	07131145	NGUYỄN TRẦN QUÝ	PHƯƠNG	22/08/89			
13	07131147	TRẦN THẾ	PHƯƠNG	17/03/89		5	năm
14	07131285	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	05/07/89		6	sáu
15	07131153	NGUYỄN THỊ LỆ	QUYÊN	14/08/89			
16	07131157	NGUYỄN THANH	SANG	21/02/89		4	bốn
17	07131158	ĐÀO DUY	SON	02/06/89		5	năm
18	07131159	LÊ HỒNG	SON	24/12/87			CT
19	07131160	TRẦN THANH	SON	13/06/89		7	bảy
20	07111231	PHẠM THANH	TÀI	16/08/89			
21	07131290	PHẠM NGUYỄN ĐAN	TÂM	08/06/89		8	tám
22	07131291	LÊ DIỆP	TÂN	21/02/89		5	năm
23	07131164	NGUYỄN MINH	THÀNH	01/01/89			
24	07131169	NGUYỄN ANH	THI	15/12/88		5	năm
25	07131231	CẨM BÁ	THỊN	14/08/88			CT

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 18 Số bài: 18 Số tờ: 18

Ngày 29 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn TAKE

ThS. Tạ Mỹ Nga

Cán bộ chấm thi 1

Hồ Ngọc Trâm

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp CD07CQ (Nhóm Thi 1) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi HD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SĐT	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07333083	DƯƠNG THỊ LIÊM	13/12/88		<i>Soc</i>	6	sáu
2	07333084	LÊ THỊ LIÊN	22/05/87				
3	07333085	NGUYỄN THỊ LIÊN	25/09/89				
4	07333086	TRẦN THỊ TRÚC	28/06/88		<i>Truc</i>	6	sáu
5	07333089	ĐÌNH THỊ THUY	04/11/89		<i>Thuy</i>	5	năm
6	07333088	LÊ NGỌC LINH	10/11/86		<i>Linh</i>	4	bốn
7	07333090	LÊ THỊ TỔ LINH	25/11/88		<i>llu</i>	4	bốn
8	07333091	VĂN THỊ TRÚC LINH	06/06/89				
9	07333094	DƯƠNG THỊ LOAN	05/05/89		<i>llu</i>	6	sáu
10	07333092	TRƯƠNG THỊ HỒNG	04/02/87		<i>Thong</i>	5	năm
11	07333095	TRẦN PHÚC LỢI	/06/87		<i>Phuoc Loi</i>	5	năm
12	07333216	NGUYỄN THỊ LUYỆN	28/08/89		<i>Thuy</i>	6	sáu
13	07333098	NGUYỄN THỊ MAI	26/09/89		<i>Mai</i>	5	năm
14	07333099	TRỊNH THỊ MAI	15/02/88		<i>Trinh Mai</i>	5	năm
15	07333100	VŨ THỊ MAI	27/09/88		<i>mai</i>	6	sáu
16	07333103	BÙI NGỌC MINH	20/09/88				
17	07333104	LÊ HUỖNH HIỀN	24/09/89		<i>Hi</i>	6	sáu
18	07333107	MAI THỊ NGÀ	18/08/89		<i>Ma</i>	6	sáu
19	07333106	NGUYỄN THỊ NGỌC	07/02/87		<i>Ngoc</i>	4	bốn
20	07333108	PHẠM KIM NGÂN	25/01/89				
21	07333110	NGUYỄN THỊ THU	02/09/88		<i>Thu</i>	5	năm
22	07333111	TRẦN THỊ THANH	01/05/87		<i>Thanh</i>	5	năm
23	07333113	HỒ THỊ NHANH	15/10/89		<i>Nhanh</i>	4	bốn
24	07333114	VÕ VĂN TẤN	06/05/89		<i>Tan</i>	5	năm
25	07333115	MAI ĐÌNH NHƯ	19/11/87		<i>Nhu</i>	4	bốn
26	07333118	LÊ TUYẾT NHUNG	17/01/89				
27	07333116	TRẦN THỊ CẨM	/04/88		<i>Nhu</i>	6	sáu
28	07333117	TRƯƠNG THỊ CẨM	11/04/89		<i>Trinh</i>	5	năm
29	07333119	NGUYỄN THỊ QUỲNH	07/11/89		<i>Nhu</i>	5	năm
30	07333120	NGUYỄN THỊ THANH	30/12/88		<i>Thanh</i>	4	bốn
31	07333121	DƯƠNG NỮ KIỀU	01/06/89		<i>Thanh</i>	5	năm



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp CD07CQ (Nhóm Thi 1) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi HD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SĐT	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07333083	DƯƠNG THỊ LIÊM	13/12/88		<i>Soul</i>	6	sáu
2	07333084	LÊ THỊ LIÊN	22/05/87				
3	07333085	NGUYỄN THỊ LIÊN	25/09/89				
4	07333086	TRẦN THỊ TRÚC	28/06/88		<i>Trúc</i>	6	sáu
5	07333089	ĐÌNH THỊ THUY	04/11/89		<i>Thuy</i>	5	năm
6	07333088	LÊ NGỌC LINH	10/11/86		<i>Linh</i>	4	bốn
7	07333090	LÊ THỊ TỔ LINH	25/11/88		<i>Linh</i>	4	bốn
8	07333091	VĂN THỊ TRÚC LINH	06/06/89				
9	07333094	DƯƠNG THỊ LOAN	05/05/89		<i>Loan</i>	6	sáu
10	07333092	TRƯƠNG THỊ HỒNG	04/02/87		<i>Hồng</i>	5	năm
11	07333095	TRẦN PHÚC LỢI	/06/87		<i>Phúc</i>	5	năm
12	07333216	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	28/08/89		<i>Lương</i>	6	sáu
13	07333098	NGUYỄN THỊ MAI	26/09/89		<i>Mai</i>	5	năm
14	07333099	TRỊNH THỊ MAI	15/02/88		<i>Trinh</i>	5	năm
15	07333100	VŨ THỊ MAI	27/09/88		<i>Mai</i>	6	sáu
16	07333103	BUI NGỌC MINH	20/09/88				
17	07333104	LÊ HUỖNH HIỂN	24/09/89		<i>Hiển</i>	6	sáu
18	07333107	MAI THỊ NGA	18/08/89		<i>Nga</i>	6	sáu
19	07333106	NGUYỄN THỊ NGỌC	07/02/87		<i>Ngọc</i>	4	bốn
20	07333108	PHẠM KIM NGÂN	25/01/89				
21	07333110	NGUYỄN THỊ THU	02/09/88		<i>Thu</i>	5	năm
22	07333111	TRẦN THỊ THANH	01/05/87		<i>Thanh</i>	5	năm
23	07333113	HỒ THỊ NHANH	15/10/89		<i>Nhanh</i>	4	bốn
24	07333114	VÕ VĂN TẤN	06/05/89		<i>Tấn</i>	5	năm
25	07333115	MAI ĐÌNH NHƯ	19/11/87		<i>Như</i>	4	bốn
26	07333118	LÊ TUYẾT NHUNG	17/01/89				
27	07333116	TRẦN THỊ CẨM	/04/88		<i>Cẩm</i>	6	sáu
28	07333117	TRƯƠNG THỊ CẨM	11/04/89		<i>Trinh</i>	5	năm
29	07333119	NGUYỄN THỊ QUỲNH	07/11/89		<i>Quỳnh</i>	5	năm
30	07333120	NGUYỄN THỊ THANH	30/12/88		<i>Thanh</i>	4	bốn
31	07333121	DƯƠNG NỮ KIỀU	01/06/89		<i>Kiều</i>	5	năm



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp CD07CQ (Nhóm Thi 1) - Tổ 003 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	PHONG	Ng/Sinh	Số ở	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07333123	ĐOÀN DUY	PHONG	23/04/89			6	sáu
2	07333124	TRẦN TÂN	PHÚC	14/08/88			5	năm
3	07333130	LÊ THỊ MAI	PHƯƠNG	25/09/88			5	năm
4	07333128	NGUYỄN ANH	PHƯƠNG	10/05/88			5	năm
5	07333131	NGUYỄN TRẦN TRÚC	PHƯƠNG	23/10/88			6	sáu
6	07333132	NGUYỄN VĂN	QUANG	10/04/88			5	năm
7	07333133	ĐẶNG THẾ	QUÂN	01/07/88			5	năm
8	07333134	ĐỖ TƯỜNG	QUÂN	16/02/88			6	sáu
9	07333136	ĐẬU VIỆT	QUỐC	08/08/88			5	năm
10	07333135	NGUYỄN ANH	QUỐC	17/11/88			5	năm
11	07333137	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	01/06/88			6	sáu
12	07333138	NGUYỄN THỊ TÚ	QUYÊN	05/07/89			6	sáu
13	07333139	NGUYỄN THỂ	QUYÊN	04/01/88			6	sáu
14	07333141	NGUYỄN LÊ	SƠN	20/11/89			6	sáu
15	07333143	HỒ HỮU	TÀI	06/11/88			5	năm
16	07333147	LÊ TẤT	TÀI	04/08/88			6	sáu
17	07333145	NGUYỄN PHƯỚC	TÀI	10/01/88			5	năm
18	07333146	NGUYỄN TẤN	TÀI	23/02/89			5	năm
19	07333148	ĐẶNG HOÀI	TÂM	12/12/88			5	năm
20	07333149	PHẠM THANH	TÂM	1 / 88			6	sáu
21	07333150	ĐINH VĂN	TẤN	05/07/88			4	bốn
22	07333151	TRẦN THỊ KIM	THANH	13/12/89			5	năm
23	07333155	BÙI VĂN	THẢO	15/10/89			5	năm
24	07333156	LÊ VĂN	THẢO	20/12/88			5	năm
25	07333152	TRẦN THỊ KIM	THẢO	13/09/87			5	năm
26	07333154	VƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	21/12/89			8	tám
27	07333159	HUYỀN	THÔNG	29/01/89			4	bốn
28	07333160	TRẦN THỊ	THÔNG	12/09/87			6	sáu
29	07333161	TRƯƠNG THIÊN	THỜI	01/05/86			3	ba
30	07333164	LÊ THỊ XUÂN	THU	30/04/89			6	sáu
31	07333165	NGUYỄN HỮU	THUẬN	02/07/89			5	năm